TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 62/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 03 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 90/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2026, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* giữa:

- Nguyên đơn: Ông N , sinh năm 1987; Địa chỉ: Làng B, xã C, tỉnh G

CCCD số: 040087023248.

- Bị đơn: Bà Ng , sinh năm 1991 ; Địa chỉ: Làng B, xã C, tỉnh G

CCCD số: 064224007621.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông N và bà Ng . *(Giấy chứng nhận kết hôn số 47 do UBND xã I, huyện C, tỉnh G cấp ngày 04/12/2023).*

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông N và bà Ng có 01 con chung là Nguyễn Đức Bảo, sinh ngày 04/8/2024.

Ông N và bà Ng thỏa thuận: Giao con chung tên là Nguyễn Đức Bảo, sinh ngayỳ 04/8/2024 cho bà Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, việc thay đổi hoặc chấm dứt việc trực tiếp nuôi con chung thực hiện khi có căn cứ làm phát

sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông N và bà Ng thỏa thuận: Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông N và bà Ng đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), Ông N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001962 ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Trả lại cho Ông N 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 8- Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Chư Prông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Việt Anh